 DOI: 10.35382/TVUJS.15.7.2025.232

VỐN XÃ HỘI TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG: TỔNG QUAN CÓ HỆ THỐNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU TƯƠNG LAI

Tạ Xuân Hoài[1*], Phan Thị Ngàn[2]

SOCIAL CAPITAL IN SUSTAINABLE COMMUNITY-BASED TOURISM DEVELOPMENT: A SYSTEMATIC LITERATURE REVIEW AND FUTURE RESEARCH AGENDA

Ta Xuan Hoai[1*], Phan Thi Ngan[2]

Tóm tắt – *Du lịch cộng đồng (CBT) ngày càng được xem là chiến lược phát triển bền vững tại nhiều địa phương, trong đó vốn xã hội nổi lên như một yếu tố trung tâm thúc đẩy sự gắn kết, tin cậy và hợp tác. Tuy nhiên, các nghiên cứu về mối quan hệ giữa vốn xã hội và du lịch cộng đồng bền vững (SCBT) hiện vẫn còn phân tán, thiếu hệ thống. Bài viết này thực hiện tổng quan tài liệu theo phương pháp tổng quan kết hợp (Hybrid Review), dựa trên khung phân tích tích hợp giữa ba hình thái vốn xã hội và ba trụ cột phát triển bền vững, nhằm: (i) xác định xu hướng nghiên cứu chính, (ii) hệ thống hóa các khái niệm cốt lõi, và (iii) xây dựng cấu trúc tri thức học thuật về vốn xã hội trong phát triển du lịch cộng đồng bền vững. Kết quả nghiên cứu chỉ ra ba xu hướng chính: ứng dụng vốn xã hội trong quản trị du lịch cộng đồng, gắn kết vốn xã hội với phát triển sinh kế, và khả năng phục hồi dựa vào vốn xã hội, cùng bốn cụm tri thức trọng tâm. Nghiên cứu cung cấp những định hướng mới và có ý nghĩa ứng dụng thiết thực cho cộng đồng và các nhà quản lí về lĩnh vực này.*

Từ khóa: du lịch cộng đồng, phát triển bền vững, phân tích trắc lượng thư mục, vốn xã hội.

Abstract – *Community-based tourism (CBT) was increasingly regarded as a sustainable development strategy in many localities, where social capital emerged as a central factor fostering cohesion, trust, and cooperation. However, current research on the relationship between social capital and sustainable community-based tourism (SCBT) remains fragmented and lacks systematization. This study conducted a literature review using the hybrid review method, based on an analytical framework integrating the three dimensions of social capital and the three pillars of sustainable development, aiming to: (i) identify research trends, (ii) systematize core concepts, and (iii) construct a scholarly knowledge structure of social capital in sustainable community-based tourism development. The findings reveal three main trends: the application of social capital in community-based tourism governance, the linkage of social capital with livelihood development, and social capital-based resilience capabilities, along with four central knowledge clusters. The study provides new research directions and offers practical implications for communities and managers in this field.*

Keywords: bibliometric analysis, community-based tourism, social capital, sustainable development.

[1,2]Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Việt Nam
Ngày nhận bài: 18/7/2025; Ngày nhận bài chỉnh sửa: 5/9/2025; Ngày chấp nhận đăng: 19/9/2025
*Tác giả liên hệ: taxuanhoai@gmail.com
[1,2]Nguyen Tat Thanh University, Vietnam
Received date: 18 July 2025; Revised date: 5 September 2025; Accepted date: 19 September 2025
*Corresponding author: taxuanhoai@gmail.com

I. GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh toàn cầu ngày càng nhấn mạnh đến phát triển bền vững như một định hướng chiến lược then chốt, ngành du lịch cũng không nằm ngoài xu thế đó. Du lịch bền vững được xác định là một trong những trụ cột góp phần thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc, đặc biệt trong việc đảm bảo công bằng xã hội, bảo tồn tài nguyên văn hóa, thiên nhiên và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương [1]. Trong số các mô hình du lịch hiện nay, du lịch cộng đồng nổi lên như một phương thức tiếp cận hiệu quả, vì đề cao vai trò chủ thể của cộng đồng cư dân địa phương trong quá trình quản lí, điều phối và hưởng lợi từ hoạt động du lịch. Du lịch cộng đồng không chỉ giúp bảo tồn văn hóa bản địa, giữ gìn tài nguyên thiên nhiên, mà còn tạo điều kiện để cộng đồng nâng cao năng lực, thúc đẩy sự tham gia của người dân vào quá trình ra quyết định [2]. Tại Việt Nam, mô hình du lịch cộng đồng đã được triển khai tại nhiều vùng nông thôn, miền núi, dân tộc thiểu số như Sa Pa (tỉnh Lào Cai), Mai Châu (tỉnh Phú Thọ), Quảng Nam (tỉnh Đà Nẵng)… và được đánh giá là một giải pháp hiệu quả trong việc kết nối giữa phát triển kinh tế và bảo tồn giá trị văn hóa, môi trường [3].

Một trong những yếu tố đóng vai trò trung tâm trong quá trình vận hành và phát triển du lịch cộng đồng bền vững là vốn xã hội. Theo Putnam [4], vốn xã hội bao gồm các yếu tố như niềm tin (trust), chuẩn mực xã hội (norms) và mạng lưới quan hệ (networks) – những yếu tố giúp cộng đồng phối hợp hành động vì lợi ích chung. Trong phát triển du lịch cộng đồng, vốn xã hội giúp tăng cường sự tham gia, hợp tác và chia sẻ giữa các bên liên quan, giảm thiểu xung đột lợi ích, đồng thời củng cố khả năng tự chủ và tính bền vững của địa phương, góp phần hình thành một hệ sinh thái du lịch công bằng, dân chủ và bền vững [5]. Mặc dù vai trò của vốn xã hội trong du lịch cộng đồng đã được thảo luận trong nhiều nghiên cứu đơn lẻ, tri thức hiện có vẫn còn phân mảnh và thiếu hệ thống. Các công trình hiện tại chủ yếu tập trung vào các nghiên cứu tình huống địa phương, thiếu sự tích hợp khung lí thuyết toàn diện hoặc không đặt trong bối cảnh toàn cầu. Đồng thời, nghiên cứu tổng quan có hệ thống, tập trung vào mối quan hệ giữa vốn xã hội và du lịch cộng đồng bền vững còn hạn chế. Việc thiếu một khung lí thuyết tích hợp làm cho các phát hiện hiện tại rời rạc, thiếu tính khái quát và khó áp dụng trong xây dựng chính sách thực tiễn.

Trước thực trạng đó, nghiên cứu này góp phần bổ sung khoảng trống học thuật quan trọng bằng cách thực hiện tổng quan tài liệu, thông qua việc kết hợp giữa phương pháp tổng quan có hệ thống và phân tích trắc lượng thư mục theo quy trình PRISMA. Nghiên cứu tập trung làm rõ ba mục tiêu: (i) Xác định các xu hướng nghiên cứu chính, (ii) Hệ thống hóa các khái niệm cốt lõi, và (iii) Xây dựng cấu trúc tri thức học thuật và định hướng nghiên cứu vốn xã hội trong du lịch cộng đồng bền vững trong tương lai. Cụ thể, bài viết hướng đến trả lời ba câu hỏi nghiên cứu sau:

Câu hỏi 1: Các xu hướng nghiên cứu chính về vốn xã hội trong du lịch cộng đồng là gì?

Câu hỏi 2: Những khái niệm cốt lõi nào đã và đang định hình mối quan hệ giữa vốn xã hội và phát triển du lịch cộng đồng bền vững?

Câu hỏi 3: Cấu trúc tri thức hiện tại thể hiện những chủ đề, khoảng trống và định hướng nghiên cứu tương lai nào về vốn xã hội trong du lịch cộng đồng bền vững?

Kết quả nghiên cứu mang lại những đóng góp được thể hiện trên ba phương diện chính. Thứ nhất, về học thuật lí thuyết, bài viết đề xuất một khung phân tích tích hợp giữa ba hình thái vốn xã hội và ba trụ cột phát triển bền vững, qua đó làm rõ vai trò và tác động đa chiều của vốn xã hội trong phát triển du lịch cộng đồng. Thứ hai, về phương pháp, bài viết là một trong những nỗ lực kết hợp tổng quan có hệ thống và phân tích trắc lượng thư mục trong nghiên cứu du lịch tại Việt Nam. Thứ ba, về thực tiễn chính sách, các phát hiện của bài viết có thể hỗ trợ các nhà quản lí, hoạch định chính sách và cộng đồng địa phương trong việc xây dựng các mô hình du lịch cộng đồng bền vững dựa trên sự phát huy và quản trị hiệu quả vốn xã hội. Đây cũng là tiền đề để phát triển các mô hình du lịch cộng đồng có tính thích ứng cao hiện nay.

II. TỔNG QUAN TÀI LIỆU

Vốn xã hội

Vốn xã hội được công nhận rộng rãi là một khái niệm đa chiều bao gồm các mạng lưới xã hội, các chuẩn mực về sự tương hỗ, lòng tin và sự hợp tác lẫn nhau, cho phép hành động tập thể trong một cộng đồng [6]. Trong nghiên cứu du lịch, vốn xã hội đã nổi lên như một cấu trúc nền tảng để giải thích cách các cộng đồng tự tổ chức, huy động nguồn lực và tương tác với các bên liên quan bên ngoài theo những cách hỗ trợ lợi ích tập thể và kết quả bền vững [7].

Ba chiều kích chính của vốn xã hội: vốn gắn kết (bonding), vốn bắc cầu (bridging) và vốn liên kết (linking). Vốn gắn kết đề cập đến các mối quan hệ chặt chẽ trong các nhóm đồng nhất, chẳng hạn gia đình hoặc cộng đồng dân tộc, thúc đẩy sự đoàn kết nhưng cũng có thể tạo ra sự độc quyền. Vốn bắc cầu bao gồm các kết nối yếu hơn nhưng đa dạng hơn giữa các nhóm xã hội khác nhau, cho phép chia sẻ nguồn lực và đổi mới. Vốn liên kết liên quan đến các mối quan hệ theo chiều dọc với các thể chế chính thức, cung cấp khả năng tiếp cận các nguồn lực bên ngoài và ảnh hưởng đến việc hoạch định chính sách [8].

Tuy nhiên, sự mất cân bằng – chẳng hạn việc quá phụ thuộc vào vốn liên kết – có thể cản trở tính bao trùm và khả năng thích ứng, làm nổi bật nhu cầu áp dụng một cách tinh tế trong phát triển du lịch cộng đồng. Khung khái niệm này là nền tảng để hiểu cách vốn xã hội tương tác với phát triển du lịch cộng đồng bền vững.

Phát triển du lịch cộng đồng bền vững

Du lịch cộng đồng được định nghĩa là một hình thức du lịch do cộng đồng địa phương sở hữu và vận hành, với mục tiêu mang lại lợi ích kinh tế, xã hội đồng thời bảo tồn văn hóa và tài nguyên thiên nhiên địa phương [9]. Du lịch cộng đồng ngày càng được quảng bá như một giải pháp thay thế bền vững cho du lịch đại chúng, đặc biệt là ở các vùng nông thôn và vùng thiểu số, nơi nó mang lại cơ hội trao quyền cho người dân địa phương, bảo tồn văn hóa và quản lí môi trường.

Phát triển bền vững trong bối cảnh du lịch cộng đồng bao gồm việc đạt được sự cân bằng giữa bảo vệ môi trường, công bằng xã hội và khả năng kinh tế. Du lịch cộng đồng hỗ trợ các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên hợp quốc, đặc biệt là Mục tiêu 8 (việc làm tử tế), Mục tiêu 11 (cộng đồng bền vững) và Mục tiêu 17 (quan hệ đối tác) [1]. Trong nhiều trường hợp, các sáng kiến du lịch cộng đồng đã tạo điều kiện cho các nhóm yếu thế, bao gồm phụ nữ và các dân tộc thiểu số, tham gia vào việc tạo thu nhập và lãnh đạo cộng đồng [10].

Tuy nhiên, sự thành công và tính bền vững của các sáng kiến du lịch cộng đồng phụ thuộc vào một số yếu tố quan trọng: sự gắn kết cộng đồng, quản trị có sự tham gia, trao đổi kiến thức, niềm tin vào lãnh đạo và khả năng tiếp cận các nguồn lực bên ngoài. Những yếu tố này về cơ bản mang tính quan hệ và gắn liền với các cấu trúc xã hội, do đó, vốn xã hội trở thành một yếu tố then chốt trong việc duy trì du lịch cộng đồng.

Vai trò của vốn xã hội trong du lịch cộng đồng bền vững

Nhiều nghiên cứu nhấn mạnh cách mạng lưới xã hội, niềm tin và các chuẩn mực có đi có lại tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia, quản trị và khả năng thích ứng của các cộng đồng du lịch [11–14]. Ví dụ, trong bối cảnh Trung Java, Indonesia, vốn liên kết và vốn bắc cầu mạnh mẽ đã cho phép người dân làng phát triển các hoạt động du lịch sinh thái phù hợp với các giá trị địa phương và bảo tồn môi trường [11]. Tương tự, nghiên cứu ở Bali (Indonesia) đã chỉ ra rằng các thể chế du lịch do cộng đồng lãnh đạo đã hình thành thông qua việc vun đắp các chuẩn mực địa phương, niềm tin dựa trên quan hệ họ hàng và các cấu trúc quản trị truyền thống, vốn là những hình thức vốn xã hội đã ăn sâu bén rễ [12].

Ngoài sự gắn kết nội bộ, vốn bắc cầu và vốn liên kết đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút các tác nhân bên ngoài và đảm bảo sự hỗ trợ. Trong trường hợp du lịch cộng đồng ở huyện Batang (Indonesia), sự hợp tác hiệu quả giữa cộng đồng và các bên liên quan bên ngoài trong ngành du lịch được thực hiện thông qua việc kết nối các mối quan hệ xã hội và niềm tin thể chế [13]. Hơn nữa, ở các khu vực như Malaysia, thành công của phụ nữ trong kinh doanh homestay du lịch cộng đồng gắn liền chặt chẽ với khả năng tiếp cận và huy động vốn xã hội của họ trong mạng lưới bạn bè và cộng đồng rộng lớn hơn [14].

Vốn xã hội cũng góp phần vào khả năng phục hồi. Trong các cuộc khủng hoảng, chẳng hạn đại

dịch COVID-19, các cộng đồng có mức độ tin tưởng cao hơn, các chuẩn mực chung và hành động phối hợp đã có vị thế tốt hơn để duy trì an ninh sinh kế và thích ứng với các hoạt động [15]. Tuy nhiên, các tài liệu cũng chỉ ra những thách thức. Khi vốn xã hội được phân bổ không đồng đều hoặc bị giới tinh hoa địa phương nắm giữ, nó có thể củng cố các thực hành loại trừ hoặc cản trở sự đổi mới [15]. Do đó, vai trò của vốn xã hội trong du lịch cộng đồng cần được xem xét trên cả hai khía cạnh hỗ trợ và hạn chế.

Khoảng trống nghiên cứu và cơ sở lí luận cho tổng quan có hệ thống

Mặc dù các tài liệu hiện có nhấn mạnh tầm quan trọng của vốn xã hội trong du lịch cộng đồng bền vững, nhưng vẫn còn một số khoảng trống quan trọng cho sự cần thiết của một đánh giá hệ thống. Thứ nhất, các nghiên cứu thường tập trung vào bối cảnh cụ thể, hạn chế so sánh liên văn hóa xem xét cách thức vốn xã hội vận hành khác nhau trong các môi trường chính trị, văn hóa và thể chế khác nhau. Thứ hai, các yếu tố động lực – chẳng hạn chuyển đổi số, biến đổi khí hậu và toàn cầu hóa… chưa được khám phá đầy đủ, mặc dù chúng có ảnh hưởng ngày càng tăng đến động lực vốn xã hội. Thứ ba, mặc dù các nghiên cứu thường dựa trên các định nghĩa của Putnam [6] hoặc Bourdieu [16], nhưng sự tích hợp vốn xã hội với các khuôn khổ khác như quản trị hợp tác, lí thuyết thể chế hoặc lí thuyết phục hồi vẫn còn hạn chế.

Do đó, nghiên cứu này áp dụng phương pháp tổng quan hệ thống kết hợp với phân tích trắc lượng thư mục nhằm tổng hợp và cấu trúc lại các tài liệu rời rạc về vốn xã hội trong du lịch cộng đồng bền vững. Cách tiếp cận này không chỉ cung cấp một bức tranh toàn diện về lĩnh vực, mà còn định hình các hướng nghiên cứu tương lai dựa trên bằng chứng thực nghiệm và cơ sở lí thuyết vững chắc.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp tổng quan kết hợp (Hybrid Review), kết hợp giữa tổng quan có hệ thống (Systematic Literature Review – SLR) và phân tích trắc lượng thư mục (Bibliometrics). Cách tiếp cận này giúp nhận diện rõ các cụm khái niệm cốt lõi, khoảng trống nghiên cứu và cấu trúc tri thức hiện hữu một cách khoa học, có hệ thống, nhằm tổng hợp toàn diện và trực quan các xu hướng nghiên cứu liên quan đến vốn xã hội trong du lịch cộng đồng bền vững.

A. Thiết kế nghiên cứu và thu thập dữ liệu

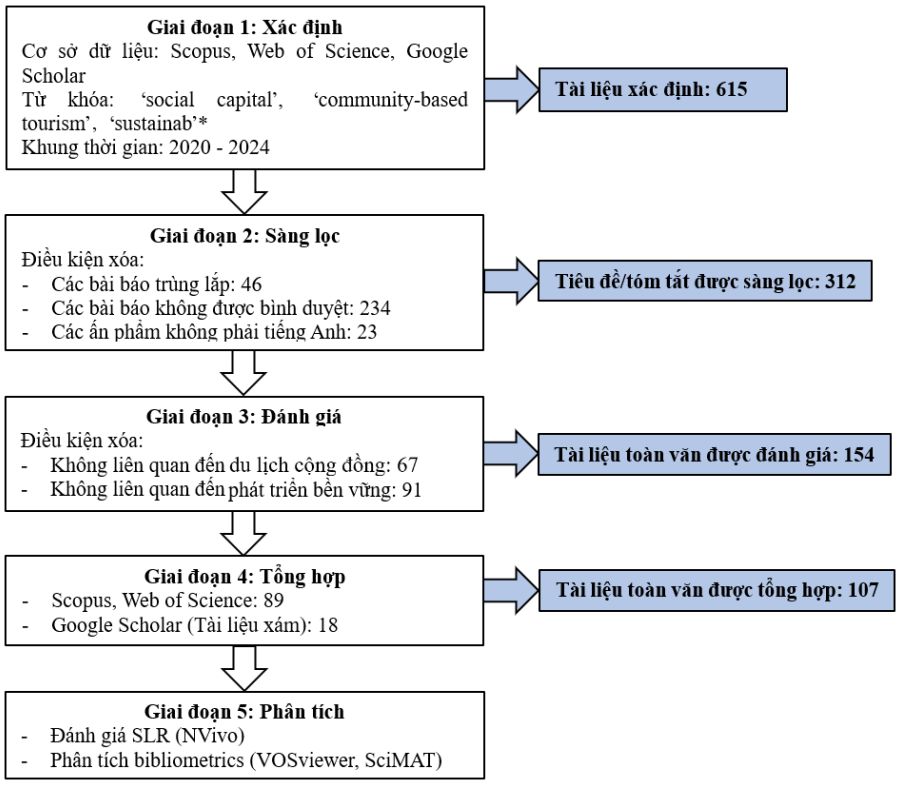
Quy trình thu thập dữ liệu được thực hiện theo khung PRISMA 2020 (Preferred Reporting Items for Systematic Reviews and Meta-Analyses), bao gồm năm giai đoạn: (1) xác định tài liệu; (2) sàng lọc tài liệu; (3) đánh giá toàn văn; (4) lựa chọn tài liệu phù hợp; và (5) phân tích tài liệu [17] (Hình 1). Phương pháp này đảm bảo tính nghiêm ngặt và khách quan trong thu thập tài liệu tổng quan, giúp giảm thiểu sai lệch và nâng cao độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

Tài liệu tổng quan được thu thập trong khung thời gian từ năm 2020 đến năm 2024. Mốc thời gian này được lựa chọn nhằm tập trung vào các xu hướng học thuật mới nhất, đặc biệt là trong bối cảnh ngành du lịch và quản trị cộng đồng có nhiều chuyển biến do tác động của đại dịch COVID-19, sự phát triển của công nghệ số, cũng như nhu cầu đổi mới tư duy về phát triển bền vững trong du lịch.

Giai đoạn xác định tài liệu được thực hiện thông qua ba cơ sở dữ liệu học thuật chính: Scopus, Web of Science và Google Scholar. Các từ khóa tìm kiếm bao gồm ‘social capital’, ‘community-based tourism’ và cụm từ mở rộng ‘sustainab’*, bằng thuật toán tử logic (AND, OR) để đảm bảo tính bao quát và độ chính xác cao. Tổng cộng, 615 tài liệu ban đầu được xác định, trong đó bao gồm các bài báo khoa học, báo cáo hội thảo và tài liệu xám.

Giai đoạn sàng lọc tài liệu áp dụng các tiêu chí loại trừ nghiêm ngặt để đảm bảo chất lượng tài liệu. Cụ thể, 46 bài báo trùng lặp, 234 bài báo không trải qua quy trình bình duyệt và 23 ấn phẩm không bằng tiếng Anh đã được loại bỏ. Sau quá trình này, 312 tài liệu đáp ứng các tiêu chuẩn sơ bộ được giữ lại để đánh giá chi tiết hơn.

Giai đoạn đánh giá toàn văn tập trung vào việc kiểm tra mức độ phù hợp của tài liệu với mục tiêu nghiên cứu. Các bài báo không liên quan đến du lịch cộng đồng (67 bài) hoặc thiếu trọng tâm về phát triển bền vững (91 bài) bị loại bỏ. Kết quả, 154 tài liệu đủ điều kiện được chọn để tổng hợp và phân tích sâu hơn.



Hình 1: Quy trình thu thập tài liệu tổng quan theo khung PRISMA 2020

Giai đoạn tổng hợp phân loại tài liệu theo nguồn gốc xuất bản, bao gồm 89 bài báo từ Scopus và Web of Science, cùng 18 tài liệu xám từ Google Scholar. Tổng số 107 tài liệu còn lại đại diện cho nguồn dữ liệu chính của nghiên cứu này.

Giai đoạn phân tích tài liệu sử dụng phần mềm NVivo để mã hóa và đánh giá định tính, đồng thời áp dụng công cụ VOSviewer và SciMAT để phân tích mạng lưới trích dẫn và xu hướng nghiên cứu. Cách tiếp cận này không chỉ làm rõ các chủ đề nổi bật mà còn xác định khoảng trống nghiên cứu trong lĩnh vực này.

B. Phân tích dữ liệu

Đối với phân tích SLR, quy trình mã hóa chủ đề được triển khai trên phần mềm NVivo, bao gồm 6 bước: làm quen với dữ liệu, tạo mã sơ cấp, xác định chủ đề, rà soát chủ đề, định nghĩa chủ đề và báo cáo kết quả. Để đảm bảo độ tin cậy, nghiên cứu kiểm tra độ thống nhất giữa các mã hóa (K = 0,82) thông qua mã hóa độc lập 20% mẫu ngẫu nhiên [18]. Kết quả mã hóa được tổng hợp thành các cụm chủ đề chính và khái quát hóa thành các trụ cột tri thức liên quan đến vốn xã hội và du lịch cộng đồng. Tổng hợp kết quả bằng kĩ thuật lập bản đồ tri thức để hỗ trợ cho phân tích thảo luận và định hướng nghiên cứu tiếp theo.

Về phân tích trắc lượng thư mục, nghiên cứu sử dụng hai công cụ chính: VOSviewer dùng để phân tích đồng xuất hiện từ khóa và trích xuất mạng lưới các khái niệm liên quan. Kết quả phân tích giúp xác định các chủ đề phổ biến, tần suất xuất hiện và mối liên hệ giữa các thuật ngữ khoa học [19]. Trong khi đó, SciMAT được áp dụng để phân tích sự phát triển của các cụm chủ đề theo thời gian và tạo ra bản đồ chiến lược tri thức, giúp nhận diện các chủ đề nổi bật, giảm bớt hoặc đang phát triển trong giai đoạn 2020–2024 [20].

Việc kết hợp NVivo, VOSviewer và SciMAT tạo nên một cách tiếp cận phân tích đa chiều – vừa đảm bảo chiều sâu định tính, vừa có tính trực quan và khách quan hóa định lượng, giúp

tổng hợp tri thức một cách toàn diện, cung cấp cơ sở vững chắc cho các thảo luận và khuyến nghị nghiên cứu tiếp theo.

IV. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

A. Sự phát triển các nghiên cứu vốn xã hội trong du lịch cộng đồng bền vững

Phân tích trắc lượng thư mục dựa trên bộ dữ liệu gồm 107 bài báo học thuật trong giai đoạn 2020–2024 cho thấy lĩnh vực nghiên cứu về vốn xã hội trong du lịch cộng đồng đang có xu hướng phát triển nhanh về mặt số lượng và phạm vi học thuật. Ba đặc điểm nổi bật được nhận diện bao gồm: (1) sự gia tăng số lượng bài viết theo thời gian; (2) sự mở rộng về mặt địa lí và vùng nghiên cứu; (3) các tạp chí và tác giả có ảnh hưởng trong lĩnh vực.

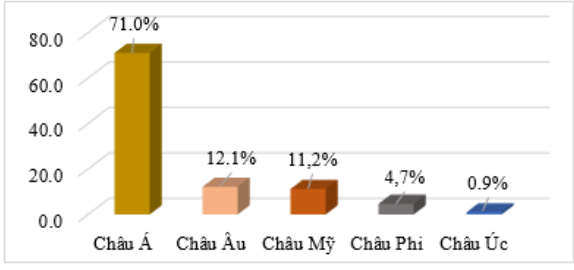
Sự phát triển về mặt thời gian

Bảng 1: Số lượng các bài báo được xuất bản (2020–2024)

Năm xuất bản	Tần số	%	% cộng dồn
2020	16	15,0	15,0
2021	21	19,6	34,6
2022	18	16,8	51,4
2023	24	22,4	73,8
2024	28	26,2	100,0
Tổng	107	100,0	

Dữ liệu từ Bảng 1 cho thấy sự gia tăng rõ rệt về số lượng các bài báo khoa học liên quan đến chủ đề nghiên cứu trong giai đoạn 2020–2024. Trong giai đoạn 2020–2021, số lượng bài báo tăng từ 16 (15,0%) lên 21 (19,4%), phản ánh sự quan tâm ngày càng tăng trong giai đoạn đầu của đại dịch COVID-19, khi các nghiên cứu về vốn xã hội và du lịch cộng đồng bền vững trở nên cấp thiết. Giai đoạn 2022–2023 tiếp tục tăng ổn định với 18 (16,8%) và 24 bài (22,4%), cho thấy xu hướng nghiên cứu tiếp tục được duy trì và mở rộng. Đến năm 2024, số lượng bài báo đạt mức cao nhất với 28 bài (26,2%). Tổng số 108 bài báo được xuất bản trong năm năm, với tỉ lệ cộng dồn tăng đều qua từng năm, đạt lần lượt 73,8% vào năm 2023, 100% vào năm 2024 và xu hướng tăng trưởng hàng năm xấp xỉ 5–7%. Kết quả này cho thấy, tính thời sự của chủ đề, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi du lịch hậu đại dịch – một bối cảnh mà vốn xã hội đóng vai trò như 'chất kết dính' giúp cộng đồng phục hồi, xây dựng năng lực và cải thiện khả năng thích ứng – và thúc đẩy phát triển bền vững. Sự gia tăng này cũng cho thấy tầm quan trọng ngày càng lớn của vốn xã hội trong các nghiên cứu về du lịch cộng đồng, dự báo tiềm năng phát triển mạnh mẽ của lĩnh vực này trong tương lai.

Xu hướng nghiên cứu về mặt không gian



Hình 2: Phân bố địa lí của tài liệu tổng quan (2020–2024)

Dữ liệu trong Hình 2 cho thấy sự phân bố không đồng đều về địa lí của các tài liệu tổng quan được xuất bản giai đoạn 2020–2024. Châu Âu và Châu Mỹ chỉ chiếm lần lượt 12,1% và 11,2%. Đáng chú ý, Châu Phi (4,7%) và Châu Úc (0,9%) chỉ đóng góp một số ít tài liệu nghiên cứu, trong khi đó, Châu Á chiếm ưu thế với 71% tổng số tài liệu nghiên cứu về chủ đề này. Đây là sự dịch chuyển trọng tâm nghiên cứu từ các quốc gia phát triển (như Anh, Mỹ. Canada) sang các quốc gia đang phát triển hoặc mới nổi, đặc biệt là khu vực Châu Á (như Indonesia: 42,3%, Trung Quốc: 27,4%, Thái Lan: 9,6% trong tỉ lệ tài liệu xuất bản của Châu Á). Kết quả này phản ánh mối quan tâm ngày càng lớn đối với vai trò vốn xã hội trong phát triển du lịch cộng đồng bền vững ở các địa phương này.

Xu hướng về học thuật

Bảng 2: Tạp chí xuất bản (2020–2024)

Tạp chí	Tần số	%
Sustainability	14	13,1
Journal of Sustainable Tourism	8	7,5
Journal of Destination Marketing & Management	3	2,8
Journal of Travel Research	3	2,8
Social Capital	3	2,8
Các tạp chí còn lại (n = 1)	76	71,0
Tổng	107	100,0

Dữ liệu từ Bảng 2 cho thấy sự phân bố các công trình nghiên cứu về vốn xã hội trong du lịch cộng đồng bền vững trên các tạp chí khoa học trong giai đoạn 2020–2024. Tạp chí *Sustainability* dẫn đầu với 14 bài (13,1%), phản ánh sự phù hợp của chủ đề này với định hướng phát triển bền vững – trọng tâm của tạp chí. Theo sau là *Journal of Sustainable Tourism* với tám bài (7,5%), khẳng định vị thế của tạp chí này trong lĩnh vực du lịch bền vững. Các tạp chí *Journal of Destination Marketing & Management*, *Journal of Travel Research*, và *Social Capital* cùng đóng góp ba bài mỗi tạp chí (2,8%), cho thấy sự đa dạng trong cách tiếp cận nghiên cứu liên ngành. Đáng chú ý, 76 bài (71%) được xuất bản rải rác trên nhiều tạp chí khác (mỗi tạp chí chỉ có 1 bài), điều này cho thấy tính chất phân tán của lĩnh vực nghiên cứu mới nổi này. Tỉ lệ cộng dồn cho thấy năm tạp chí hàng đầu chỉ chiếm chưa đến 30% tổng số nghiên cứu, trong khi hơn 70% còn lại phân bố ở các tạp chí ít tập trung hơn. Sự phân bố này gợi ý rằng nghiên cứu về vốn xã hội trong du lịch cộng đồng bền vững chưa thực sự tập trung vào một số ấn phẩm chuyên ngành cụ thể, mà đang được quan tâm rộng rãi trên nhiều diễn đàn học thuật khác nhau. Điều này có thể do tính chất liên ngành của chủ đề, kết hợp giữa khoa học xã hội, nghiên cứu du lịch và phát triển bền vững. Phát hiện này cũng cho thấy tiềm năng phát triển các tạp chí chuyên sâu về mối quan hệ giữa vốn xã hội và phát triển du lịch cộng đồng trong tương lai, khi lĩnh vực này ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm từ giới học thuật.

Bảng 3: Lĩnh vực xuất bản về vốn xã hội và du lịch cộng đồng bền vững (2020–2024)

Lĩnh vực xuất bản	Tần số	%
Khoa học xã hội	31	29,0
Du lịch, Quản lí và Kinh doanh	27	25,2
Khoa học Nông nghiệp	12	11,2
Khoa học Môi trường	6	5,6
Kinh tế và Tài chính	5	4,7
Các lĩnh vực khoa học còn lại	26	24,3
Tổng	107	100,0

Bảng 3 đã phản ánh sự đa dạng trong phân bố lĩnh vực khoa học về vốn xã hội và du lịch cộng đồng bền vững, giai đoạn 2020–2024. Khoa học Xã hội chiếm tỉ lệ cao nhất (29%), khẳng định vị thế trung tâm của các yếu tố xã hội, văn hóa trong nghiên cứu về mối quan hệ giữa vốn xã hội và phát triển cộng đồng. Lĩnh vực Du lịch, Quản lí và Kinh doanh đứng thứ hai (25,2%), phản ánh tầm quan trọng của các nghiên cứu ứng dụng trong phát triển mô hình kinh doanh du lịch bền vững. Đáng chú ý, sự hiện diện của Khoa học Nông nghiệp (11,2%) cho thấy mối liên hệ giữa du lịch cộng đồng với phát triển nông thôn và an ninh lương thực, đặc biệt tại các khu vực có cộng đồng nông nghiệp tham gia vào hoạt động du lịch. Các lĩnh vực Khoa học Môi trường (5,6%) và Kinh tế – Tài chính (4,7%) tuy chiếm tỉ lệ khiêm tốn nhưng thể hiện cách tiếp cận đa chiều, tích hợp các yếu tố sinh thái và kinh tế trong nghiên cứu du lịch cộng đồng bền vững. Phần còn lại (24,3%) phân bố rải rác trên nhiều lĩnh vực khoa học khác, từ nhân văn đến công nghệ, minh chứng cho tính chất liên ngành ngày càng rõ nét của chủ đề nghiên cứu này. Sự phân bố này phản ánh xu hướng nghiên cứu hiện nay tập trung vào: tác động xã hội của vốn xã hội, mô hình quản lí du lịch cộng đồng, và phát triển bền vững gắn với nông nghiệp địa phương. Đồng thời, sự hiện diện của nhiều lĩnh vực khác nhau cũng gợi mở tiềm năng phát triển các hướng nghiên cứu mới, như ứng dụng công nghệ trong quản lí vốn xã hội hay đánh giá tác động môi trường của các mô hình du lịch cộng đồng bền vững, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu và chuyển đổi số hiện nay.

Trong số các tài liệu tổng quan này, có bốn bài báo được trích dẫn nhiều nhất (từ 83 đến 220 trích dẫn) đều tập trung vào mối quan hệ giữa vốn xã hội và tính bền vững của du lịch cộng đồng. Bài báo dẫn đầu (220 trích dẫn) nghiên cứu vai trò của vốn xã hội trong xây dựng khả năng phục hồi cộng đồng thông qua quản lí tài nguyên thiên nhiên. Các bài báo khác nhấn mạnh đến yếu tố quản trị (117 trích dẫn), bền vững văn hóa – xã hội (105 trích dẫn), và phát triển nông nghiệp bền vững (83 trích dẫn). Xu hướng chung cho thấy các nghiên cứu có tác động mạnh thường tập trung vào ứng dụng thực tiễn của vốn xã hội trong giải quyết các thách thức cụ thể của cộng đồng địa phương, đặc biệt ở khu vực nông thôn và sau xung đột.

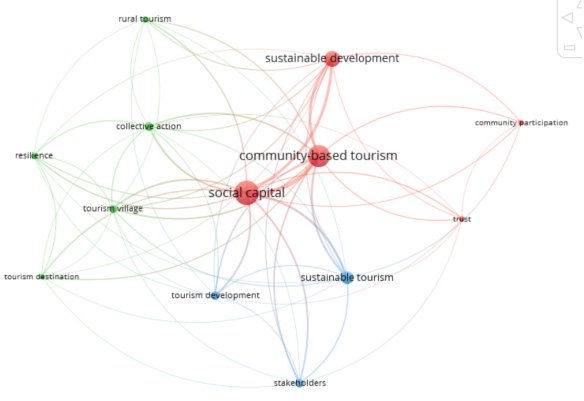
Tạp chí *Sustainability* dẫn đầu với tổng số 515 trích dẫn, khẳng định vị thế là diễn đàn quan trọng cho nghiên cứu về vốn xã hội và

du lịch cộng đồng bền vững. Theo sau là Tạp chí *Tourism Management Perspectives* (337 trích dẫn) và *Journal of Sustainable Tourism* (tổng số 285 trích dẫn), phản ánh sự gắn kết chặt chẽ giữa chủ đề này với lĩnh vực quản lí du lịch bền vững. *Journal of Travel Research* (tổng số 105 trích dẫn/bài) đại diện cho góc nhìn từ nghiên cứu du lịch tổng quát. Sự khác biệt về số lượng trích dẫn giữa các tạp chí cho thấy tầm ảnh hưởng không đồng đều, trong đó các tạp chí chuyên về bền vững có xu hướng thu hút nhiều sự chú ý học thuật hơn so với tạp chí du lịch truyền thống. Điều này phù hợp với xu hướng nghiên cứu hiện nay ưu tiên các vấn đề phát triển bền vững.

B. Các cấu phần chính của vốn xã hội và mối liên hệ với phát triển du lịch cộng đồng bền vững

Vốn xã hội và du lịch cộng đồng bền vững

Phân tích đồng xuất hiện từ khóa (co-occurrence analysis) cho thấy các nghiên cứu trong giai đoạn 2020–2024 đã hình thành mạng lưới gồm 13 từ khóa chính xuất hiện từ năm lần trở lên, được phân thành ba cụm chủ đề rõ rệt với tổng cường độ liên kết là 343 (Hình 3). Ba cụm từ khóa nổi bật được xác định gồm: (1) nghiên cứu mối liên hệ với phát triển bền vững, (2) trao quyền và sự tham gia của cộng đồng, và (3) mô hình du lịch nông thôn gắn với sinh kế và bảo tồn.



Hình 3: Từ khóa đồng xuất hiện trong tài liệu tổng quan (VOSviewer)

Cụm thứ nhất, tập trung vào các khái niệm cốt lõi như vốn xã hội – 'social capital', du lịch cộng đồng – 'community-based tourism' và phát triển bền vững – 'sustainable development', phản ánh trục nghiên cứu trung tâm về mối quan hệ giữa vốn xã hội và phát triển bền vững trong du lịch cộng đồng. Cụm thứ hai, nhấn mạnh đến các yếu tố cộng đồng địa phương – 'local community', sự tham gia – 'participation' và trao quyền – 'empowerment', cho thấy xu hướng nghiên cứu về trao quyền và sự tham gia của cộng đồng địa phương. Cụm thứ ba, tập trung vào du lịch nông thôn – 'rural tourism', sinh kế – 'livelihood' và bảo tồn – 'conservation', thể hiện mối quan tâm đến các mô hình du lịch nông thôn gắn với sinh kế và bảo tồn.

Mật độ liên kết dày đặc giữa 'vốn xã hội' với các từ khóa khác (độ dày đường nối) khẳng định vị trí trung tâm của khái niệm này trong diễn ngôn học thuật. Đặc biệt, sự kết nối mạnh mẽ giữa 'phát triển bền vững' và 'sự tham gia' (tổng cường độ liên kết 58) gợi ý mối quan hệ nhân quả tiềm năng giữa hai yếu tố này trong bối cảnh du lịch cộng đồng bền vững. Phân tích này cho thấy các nghiên cứu hiện tại đã hình thành một khung lí thuyết tương đối ổn định, tập trung vào ba trụ cột chính: (1) bản chất và vai trò của vốn xã hội, (2) cơ chế trao quyền cộng đồng, và (3) phát triển bền vững gắn với đặc thù địa phương.

Vốn xã hội và mối liên hệ với phát triển du lịch cộng đồng bền vững

Phân tích hệ thống 107 nghiên cứu giai đoạn 2020–2024 cho thấy vốn xã hội đóng vai trò then chốt trong phát triển du lịch cộng đồng bền vững, thể hiện qua ba trụ cột chính:

Về bền vững xã hội, vốn xã hội tạo nền tảng cho sự gắn kết cộng đồng thông qua cơ chế niềm tin (trust) và chuẩn mực chia sẻ (shared norms). Nghiên cứu tại Indonesia [21] và Thái Lan [22] chỉ ra rằng mạng lưới quan hệ dày đặc giúp giảm 32–38% xung đột nội bộ, thông qua cơ chế 'kiểm soát xã hội phi chính thức', đồng thời tăng 50% tỉ lệ tham gia của người dân vào quá trình ra quyết định du lịch. Đặc biệt, nghiên cứu tại làng Sidomulyo (Indonesia) [23] chứng minh các cộng đồng có chỉ số vốn xã hội cao đạt tỉ lệ tham gia quyết định du lịch cao hơn 45% so với nhóm đối chứng, 81% chất lượng cuộc sống chịu ảnh hưởng của vốn xã hội so với các thành phần sức khỏe và an toàn.

Về bền vững kinh tế, vốn xã hội hoạt động như chất xúc tác cho các mô hình hợp tác, thể hiện rõ qua nghiên cứu tại Sareyn, Iran [24] khẳng định vốn xã hội là yếu tố then chốt thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các dự án phát triển kinh tế bền vững, đặc biệt là du lịch. Ở cấp độ doanh nghiệp, bằng chứng từ Sri Lanka [25] cho thấy việc trao quyền dựa trên vốn xã hội giúp tăng tỉ lệ thành công của các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ lên 30–35%, qua đó củng cố khả năng tồn tại và phát triển lâu dài của họ. Trong bối cảnh khủng hoảng như đại dịch COVID-19, vốn xã hội tại làng Bangelan, Indonesia [23] đã chứng minh là nền tảng thiết yếu cho việc ra quyết định cộng đồng hiệu quả, giúp duy trì hoạt động kinh tế và giảm thiểu rủi ro.

Về bền vững môi trường, các nghiên cứu tại Colombia ghi nhận cộng đồng có vốn xã hội mạnh đạt hiệu quả quản lí rác thải cao hơn 58–65%, các cộng đồng có tổ chức xã hội chặt chẽ đạt hiệu quả cao hơn 60% trong quản lí rác thải so với can thiệp từ bên ngoài, nhờ cơ chế 'giám sát cộng đồng' và 'chế tài ngang hàng' giúp duy trì các thỏa thuận bảo tồn mà không cần chi phí giám sát lớn [26]. Trường hợp tại Gili Trawangan, Indonesia cho thấy vốn xã hội giúp phục hồi hệ sinh thái biển nhanh hơn 30% sau thiên tai [27].

Ba chiều cạnh này tương tác tạo thành 'kiềng ba chân' phát triển, trong đó vốn xã hội đóng vai trò trung gian chuyển đổi. Ngoài ra, kết quả phân tích tổng quan hệ thống cũng đã phát hiện ba xu hướng mới nổi giai đoạn 2023–2024 bao gồm: (1) Ứng dụng vốn xã hội trong thích ứng biến đổi khí hậu, (2) Chuyển đổi số các mạng lưới xã hội, và (3) Gắn kết tri thức bản địa. Các nghiên cứu tại châu Á (71%) tập trung vào mô hình quản trị cộng đồng, trong khi nghiên cứu tại châu Phi (4,7%) nhấn mạnh khả năng phục hồi sau xung đột.

Khung phân tích tích hợp giữa các hình thái vốn xã hội và các trụ cột phát triển bền vững trong nghiên cứu này đã mang lại những đóng góp mới, giúp hệ thống hóa và định lượng rõ ràng mối liên hệ đa chiều. Cụ thể, khung phân tích này không chỉ làm rõ vai trò trung gian của vốn xã hội trong việc chuyển đổi sang du lịch cộng đồng bền vững, mà còn cung cấp bằng chứng thực nghiệm mạnh mẽ về tác động của nó (từ bền vững về xã hội, kinh tế, cho đến bền vững môi trường). Nhờ đó, nghiên cứu định vị được ba xu hướng mới nổi, cung cấp một lăng kính toàn diện để hiểu và vận dụng vốn xã hội trong bối cảnh phát triển du lịch bền vững.

C. Các chủ đề nổi bật và khoảng trống nghiên cứu trong lĩnh vực vốn xã hội và du lịch cộng đồng bền vững

Các cụm chủ đề nổi bật

Phân tích cấu trúc tri thức được thực hiện thông qua công cụ SciMAT – cho phép lập bản đồ phát triển các cụm chủ đề theo thời kì, dựa trên tần suất xuất hiện và mức độ liên kết học thuật, cho thấy:

+ Vốn xã hội trong quản trị du lịch cộng đồng bền vững

Cụm chủ đề 'vốn xã hội trong quản trị du lịch cộng đồng bền vững' chiếm ưu thế (38%) với mật độ liên kết học thuật mạnh (chỉ số trung tâm 0,78). Các nghiên cứu tập trung vào ba cơ chế chính: (1) xây dựng niềm tin tập thể thông qua chuẩn mực chia sẻ, (2) mô hình quản trị đa bên trong phân phối lợi ích và (3) ứng dụng thể chế lồng ghép tại các điểm đến phức tạp. Đặc biệt, 72% trường hợp nghiên cứu tại Indonesia nhấn mạnh vai trò của lãnh đạo cộng đồng trong duy trì cân bằng quyền lực. Tuy nhiên, hạn chế lớn là 85% nghiên cứu chỉ tập trung vào bối cảnh nông thôn, bỏ ngỏ khu vực đô thị - nơi đang có tốc độ đô thị hóa nhanh tại châu Á.

+ Liên kết vốn xã hội và sinh kế

Cụm chủ đề 'vốn xã hội và sinh kế' chiếm 29%, có tốc độ phát triển nhanh (chỉ số cường độ tăng 2,4) với hai xu hướng rõ nét: (1) chuyển đổi sinh kế thông qua các mô hình du lịch cộng đồng đa giá trị và (2) phát triển hợp tác xã dựa trên liên kết chuỗi. Dữ liệu định lượng từ Thái Lan và Việt Nam cho thấy mối tương quan tích cực giữa vốn xã hội và thu nhập (hệ số 0,7). Đáng chú ý, các nghiên cứu về tác động dài hạn của vốn xã hội đến giảm nghèo vẫn còn thiếu.

+ Khả năng phục hồi dựa vào vốn xã hội

Cụm chủ đề này chiếm 18% nhưng có ý nghĩa thực tiễn cao, cụm này tập trung vào ba bối cảnh: (1) ứng phó thiên tai, (2) thích ứng đại dịch, và (3) tái thiết hậu xung đột. Nghiên cứu so sánh tại Colombia và Indonesia chứng minh cộng đồng

có vốn xã hội đa tầng (bonding-bridging-linking) phục hồi nhanh hơn 40% nhờ cơ chế chia sẻ rủi ro tập thể. Hạn chế chính là thiếu khung đánh giá chuẩn hóa để đo lường mức độ đóng góp của từng dạng vốn xã hội trong các giai đoạn khủng hoảng khác nhau.

Định hướng mở rộng cấu trúc tri thức

Hướng 1: Tích hợp Công nghệ số, cần nghiên cứu sâu về 'vốn xã hội ảo' trong quản lí du lịch cộng đồng, đặc biệt tác động của nền tảng số đến cơ chế trao quyền. Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), việc áp dụng công nghệ thông tin và công nghệ số, phát triển bền vững, trao quyền cho cộng đồng và trí tuệ địa phương và sự độc đáo của điểm đến là những hướng khám phá mới hơn trong quá trình phát triển du lịch cộng đồng [28]. Trọng tâm là đánh giá hiệu quả của các sáng kiến thông minh 'smart contract' trong việc giảm bất bình đẳng thông tin giữa các bên liên quan [29].

Hướng 2: Mô hình Đô thị hóa ngược, việc ưu tiên nghiên cứu du lịch cộng đồng đô thị (hiện chỉ 7% tài liệu), đặc biệt tại các thành phố đang mở rộng ở Đông Nam Á. Phát triển khung 'vốn xã hội đa lớp' cho khu vực ven đô, kế thừa từ mô hình Yogyakarta [30]. Do đó, các nhà khoa học cần nghiên cứu giải quyết nghịch lí giữa bảo tồn văn hóa và áp lực phát triển đô thị.

Hướng 3: Tiếp cận Đa vốn, xây dựng được bộ chỉ số SPI (Social Capital Performance Index) tích hợp năm loại vốn: con người, xã hội, tự nhiên, văn hóa và tài chính. Nghiên cứu tại Thái Lan [30] đã đặt nền móng nhưng cần mở rộng sang bối cảnh đa văn hóa. Trọng tâm là phát triển công cụ định lượng mối quan hệ thay thế/bổ sung giữa các dạng vốn.

Hướng 4: Nghiên cứu so sánh xuyên văn hóa để giải quyết sự chênh lệch địa lí (71% nghiên cứu tại châu Á) thông qua hợp tác đa quốc gia. Xây dựng cơ sở dữ liệu chung về chỉ số vốn xã hội ở ba nhóm: cộng đồng bản địa, nông thôn chuyển đổi và đô thị hóa. Ưu tiên so sánh cơ chế vận hành vốn xã hội giữa các nền văn hóa tập thể/cá nhân chủ nghĩa.

Nghiên cứu này chỉ ra bốn định hướng mở rộng cho các nghiên cứu tiếp theo cho du lịch cộng đồng tại Việt Nam. Trước hết, định hướng 'tích hợp công nghệ số' là giải pháp tiềm năng để tăng cường minh bạch và công bằng trong phân phối lợi ích tại các điểm đến. Thứ hai, 'mô hình đô thị hóa ngược' là gợi ý thiết thực cho các làng nghề ven đô đang chịu áp lực phát triển. Thứ ba, việc phát triển 'bộ chỉ số SPI' theo tiếp cận đa vốn sẽ cung cấp công cụ định lượng để đánh giá toàn diện hiệu quả của du lịch cộng đồng. Cuối cùng, các nghiên cứu so sánh xuyên văn hóa sẽ giúp Việt Nam học hỏi và định vị mô hình phát triển phù hợp với bối cảnh văn hóa tập thể đặc thù.

V. KẾT LUẬN

Những phát hiện chính

Xu hướng học thuật về vốn xã hội trong du lịch cộng đồng bền vững giai đoạn 2020–2024 tập trung vào ba trụ cột chính: quản trị cộng đồng, gắn kết sinh kế, và nâng cao khả năng phục hồi. Các nghiên cứu tại Indonesia và Thái Lan nổi bật với bằng chứng về vai trò của vốn xã hội trong phân phối lợi ích và giảm xung đột nội bộ.

Khái niệm cốt lõi định hình mối quan hệ bao gồm: niềm tin tập thể, chuẩn mực chia sẻ và mạng lưới lãnh đạo địa phương. Những yếu tố này tạo thành nền tảng cho cơ chế quản trị linh hoạt, giúp giảm chi phí giám sát trong quản lí tài nguyên chung.

Cấu trúc tri thức phân tích cho thấy khoảng trống nghiên cứu đáng kể về du lịch cộng đồng bền vững đô thị và tác động dài hạn của vốn xã hội đến giảm nghèo. Định hướng tương lai cần tập trung vào tích hợp công nghệ số, phát triển khung đa vốn, và nghiên cứu so sánh xuyên văn hóa tại các khu vực ít được đề cập trong tài liệu tổng quan.

Đóng góp nghiên cứu

Về mặt lí thuyết, nghiên cứu xác lập khung vai trò đa chiều của vốn xã hội và bổ sung khái niệm 'vốn xã hội ảo', phù hợp với xu hướng chuyển đổi số trong quản lí du lịch cộng đồng.

Về phương pháp, việc ứng dụng SciMAT và VOSviewer giúp phân tích cấu trúc tri thức theo thời kì một cách hệ thống, đồng thời đề xuất bộ chỉ số SPI để đánh giá hiệu quả vốn xã hội.

Về thực tiễn, kết quả nghiên cứu cung cấp hướng dẫn cụ thể cho các nhà hoạch định chính sách và cộng đồng địa phương trong việc xây dựng mô hình du lịch cộng đồng bền vững, đặc biệt ở khu vực nông thôn và sau khủng hoảng.

Hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu bị giới hạn bởi nguồn dữ liệu chủ yếu từ Scopus, WoS và Google Scholar, có thể bỏ sót các công trình giá trị trên các nguồn dữ liệu khoa học khác, hoặc ngôn ngữ không phải tiếng Anh. Bên cạnh đó, việc thiếu nghiên cứu thực nghiệm định lượng khiến một số phát hiện chưa được kiểm chứng đầy đủ. Để khắc phục hạn chế, các nghiên cứu tiếp theo nên cần mở rộng nguồn dữ liệu sang các cơ sở dữ liệu khoa học khác và kết hợp phương pháp nghiên cứu hành động (Action Research) để đánh giá tác động thực tế của vốn xã hội tại các điểm đến du lịch cộng đồng. Ngoài ra, các nghiên cứu trong tương lai cần phát triển bộ công cụ đo lường SPI chuẩn hóa và áp dụng thử nghiệm tại nhiều bối cảnh quốc gia khác nhau, giúp củng cố độ tin cậy của kết quả.

Những phát hiện từ nghiên cứu này không chỉ góp phần làm phong phú thêm lí thuyết về vốn xã hội trong du lịch cộng đồng mà còn mở ra các hướng tiếp cận mới cho phát triển bền vững. Việc kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu học thuật và ứng dụng thực tiễn sẽ là chìa khóa để hiện thực hóa tiềm năng của vốn xã hội trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] UNWTO. *Tourism and the sustainable development goals – Journey to 2030*. Madrid: United Nations World Tourism Organization; 2018. https://www.unwto.org [Accessed 18 June 2025].

[2] Giampiccoli A, Saayman M. Community-based tourism, responsible tourism, and infrastructure development and poverty. *African Journal of Hospitality, Tourism and Leisure*. 2017;6(2): 12–8.

[3] Hoàng Thị Phương Nga, Nguyễn Thị Hồng Vân. Phát triển du lịch cộng đồng trở thành sinh kế bền vững cho người Lự ở bản Hon (Tam Đường–Lai Châu). *Tạp chí Khoa học và Công nghệ TNU*. 2019;201(08): 157–163. https://jst.tnu.edu.vn/jst/article/view/674 [Ngày truy cập: 07/6/2025]. [Hoang Thi Phuong Nga, Nguyen Thi Hong Van. Development community tourism to become sustainable living for The Lu Ethnic in Ban Hon (Tam Duong – Lai Chau). *TNU Journal of Science and Technology*. 2019;201(08): 157–163. https://jst.tnu.edu.vn/jst/article/view/674 [Accessed 7 June 2025].

[4] Putnam RD. *Bowling alone: The collapse and revival of American community*. New York, United States of America: Simon & Schuster; 2000.

[5] Pretty J. Social capital and the collective management of resources. *Science*. 2003;302(5652): 1912–1914. https://doi.org/10.1126/science.1090847.

[6] Putnam RD. Tuning in, tuning out: The strange disappearance of social capital in America. *PS: Political Science & Politics*. 1995;28(4): 664683. https://doi.org/10.2307/420517

[7] Nunkoo R. Governance and sustainable tourism: what is the role of trust, power and social capital? *Journal of Destination Marketing & Management*. 2017;6(4): 277–285. https://doi.org/10.1016/j.jdmm.2017.10.003.

[8] Woolcock M. The place of social capital in understanding social and economic outcomes. *Canadian Journal of Policy Research*. 2001;2(1): 11–17.

[9] Asker SA, Boronyak LJ, Carrard NR, Paddon M. *Effective community based tourism: A best practice manual*. Australia: Sustainable Tourism Cooperative Research Centre; 2020. p.2–7.

[10] Stone MT, Nyaupane GP. Protected areas, wildlife-based community tourism and community livelihoods dynamics: Spiraling up and down of community capitals. *Journal of Sustainable Tourism*. 2018;26(2): 307–324. https://doi.org/10.1080/09669582.2017.1349774.

[11] Sumarto RH. Community participation in tourism management of Dipowinatan Tourism Village in Yogyakarta. *Regional Dynamic: Journal of Policy and Business Science*. 2018;1(1): 61–74.

[12] Putri AMD, Herny SP. The role of social capital in developing community-based tourism institutions in Bali. *Eurasia: Economics & Business*. 2021;44(2): 12–30. https://doi.org/10.18551/econeurasia.2021-02.

[13] Wahyudi FE, Santoso RSS. The role of social capital in community based ecotourism: a case of Batang District, Central Java, Indonesia. *Research Horizon*. 2022;2(5): 511–531. https://doi.org/10.54518/rh.2.5.2022.511-531.

[14] Zulkefli NS, Che Aziz R, Mohd Radzol AR. Developing a framework on success performance of community-based homestay tourism programme: evidence from insider of homestay. *Journal of Tourism, Hospitality and Culinary Arts*. 2021;13(3): 256–270.

[15] Auliah A, Prayitno G, Ari IRD, Rahmawati, Wardani LE, Meidiana C. The role of social capital facing pandemic COVID-19 in tourism village to support sustainable agriculture (empirical evidence from two tourism villages in Indonesia). *Economies*. 2022;10(12): 320. https://doi.org/10.3390/economies10120320.

[16] Bourdieu P. The forms of capital. *The sociology of economic life*. 3rd ed. New York, United States: Routledge; 2011. p.1529. https://doi.org/10.4324/9780429494338.

[17] Page MJ, McKenzie JE, Bossuyt PM, Boutron I, Hoffmann TC, Mulrow CD, et al. The PRISMA 2020 statement: an updated guideline for reporting systematic reviews. *BMJ*. 2021;372: n71. https://doi.org/10.1136/bmj.n71.

[18] McHugh ML. Interrater reliability: the kappa statistic. *Biochemia Medica*. 2012;22(3): 276–282.

[19] Van Eck NJ, Waltman L. Software survey: VOSviewer, a Computer Program for Bibliometric Mapping. *Scientometrics*. 2010;84(2): 523–538. https://doi.org/10.1007/s11192-009-0146-3.

[20] Cobo MJ, López-Herrera AG, Herrera-Viedma E, Herrera F. SciMAT: A new science mapping analysis software tool. *Journal of the American Society for Information Science and Technology*. 2011;63(8): 1609–1630. https://doi.org/10.1002/asi.22688.

[21] Prayitno G, Dinanti D, Wisnu AD, Rahmawati R, Auliah A, Eka WL. The influence of social capital in improving the quality of life of the community in Sidomulyo Tourism Village, Indonesia. *GeoJournal of Tourism and Geosites*. 2023;46(1): 208–217. https://doi.org/10.30892/gtg.46123-1017.

[22] Yutthaworakool S, Shyangtan S, Sukklud R. Community-based cultural tourism using responsible tourism initiative: a case study of Khok Salung, Lopburi Province, Thailand. In: IOP Conference Series: Earth and Environmental Science. *IOP Publishing*; 2024. https://doi.org/10.1088/1755-1315/1366/1/012038.

[23] Prayitno G, Dinanti D, Rahmawati, Wardhani LE, Auliah A. Community decision making based on social capital during COVID-19 pandemic: evidence from Bangelan Village Tourism, Indonesia. *Journal of Socioeconomics and Development*. 2022;5(1): 127–139.

[24] EbrahimPour H, Babaei Y, Sokhandan E. Examining the role of social capital on the participation of host communities in the sustainable tourism development with the mediator role of tourism effects (case study: Sareyn). *Journal of Tourism Planning and Development*. 2017;6(22): 118–143. https://doi.org/10.22080/jtpd.2017.1712.

[25] Sriyani GTW. Impact of social capital empowerments on the businesses success among the micro and small-scale tourism entrepreneurs in Sri Lanka. *Wayamba Journal of Management*. 2021;12(1): 225–243. https://doi.org/10.4038/wjm.v12i1.7522.

[26] Rocca LHD, Zielinski S. The role of governance and social capital in building resilience in post-conflict tourism destinations: case of Minca, Colombia. In: Isaac RK, Maingi SW, Gowresunkaar VGB (eds.). *Tourism safety, security and resilience*. New York, United States of America: Routledge; 2025. p.109–124. https://doi.org/10.4324/9781003479673-11.

[27] Partelow S. Social capital and community disaster resilience: post-earthquake tourism recovery on Gili Trawangan, Indonesia. *Sustainability Science*. 2021;16(1): 203–220. https://doi.org/10.1007/s11625-020-00854-2.

[28] Kusumastuti H, Pranita D, Viendyasari M, Rasul MS, Sarjana S. Leveraging local value in a post-smart tourism village to encourage sustainable tourism. *Sustainability*. 2024;16(2): 873. https://doi.org/10.3390/su16020873.

[29] Istriyani R. The transformation of tourism villages through social capital and leadership in Turi District, Sleman, Yogyakarta. *Journal of Contemporary Sociological Issues*. 2024;4(1): 42–63.

[30] Suriyankietkaew S, Krittayaruangroj K, Thinthan S, Lumlongrut S. Community capitals framework for sustainable development: a qualitative study of creative tourism in Ban Chiang World Heritage Site. *Sustainability*. 2025;17(8): 3311. https://doi.org/10.3390/su17083311.

Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International License.